TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Phan Thị Hồng Loan

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2025/TLST– HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạ Kho, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Nay là: Thôn 10, xã Đạ Tẻh 2, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạ Kho, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Nay là: Thôn 10, xã Đạ Tẻh 2, tỉnh Lâm Đồng).

(Bà T có mặt; Ông T1 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Chu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và và ông T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là UBND xã Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/02/2012. Trong quá trình chung sống bà và ông T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được cho đến gần đây thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do bà và ông T1 không tìm được tiếng

nói chung dẫn đến không khí gia đình ngày càng trở nên ngột ngạt, không còn hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa bà và ông T1 có hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng giao cả hai con cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T đề nghị bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định giữa bà và ông T1 tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt ông Nguyễn Anh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 và bà T tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là UBND xã Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/02/2012. Khoảng hai năm nay bà T bỏ đi làm ăn xa và không quay về chung sống của ông T1 và các con nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T1 xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa ông và bà T có hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015. Khi ly hôn ông T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Gia P1 số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/ tháng.

Về tài sản chung: Ông T1 xác định giữa ông và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T1 xác định giữa ông và bà T tự thỏa thuận về nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Nguyễn Anh T1 có đơn xin vắng mặt đồng thời bà Chu Thị T cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ quy định tại Điều 207, Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tống đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp cho ông T1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Bà và ông T1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, mạnh ai nấy sống và không có mong muốn quay về đoàn tụ nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T1. Bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Gia P1 số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/ tháng.

Bị đơn ông T1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông T1 tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Chu Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Chu Thị T và ông Nguyễn Anh T1 được ly hôn; Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015 cho ông Nguyễn Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Chu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015 với số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng; Về tài sản chung: Bà T và ông T1 đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Bà T và ông T1 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Buộc bà Chu Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc bà Chu Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh T1 và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Bị đơn ông Nguyễn Anh T1 hiện nay cư trú tại: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Chu Thị T và ông Nguyễn Anh T1 đều thừa nhận ông bà tự tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là UBND xã Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/02/2012 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp.

Ngày 01/8/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 thì được chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Bà T thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên không rõ giữa bà T và ông T1 có mẫu thuẫn gì và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Qua ông Nguyễn Hải Y là bố ruột của ông T1 cho biết thì vợ chồng bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, bà T cũng ít khi liên hệ với ông T1 và hai con nhỏ... Như vậy hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà T và ông T1 về việc trong quá trình chung sống với nhau giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà T xác định hiện không còn tình cảm gì với ông T1 và thừa nhận giữa bà và ông T1 đã sống ly thân từ lâu, mạnh ai nấy sống, hôn nhân từ lâu đã không còn hạnh phúc nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T1. Tại bản tự khai, ông T1 cũng trình bày việc đồng ý ly hôn với bà T.

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông T1 là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Bà Chu Thị T và ông Nguyễn Anh T1 đều xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa ông bà có hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015. Theo thông tin của chính quyền địa phương cung cấp tại biên bản xác minh ngày 01/8/2025 thì thấy rằng hiện nay hai cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố và ông bà nội. Đồng thời hiện nay hai cháu cũng đang theo học tại các trường học đóng trên địa bàn xã Đ (nay là xã Đ). Mặt khác, theo lời khai của cháu P và cháu P1 mà Tòa án đã thu thập được thì cả hai cháu đều trình bày có nguyện vọng được ở với bố. Bà T cũng trình bày do hai cháu đã sống cùng ông bà nội và bố từ năm 2022 cho đến nay nên bà T cũng có nguyện vọng giao cả hai con cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, ông T1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con khi ly hôn.

Như vậy căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu P và cháu P1 cũng như xem xét nguyện vọng của các cháu, nhận thấy cần giao hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015 cho ông T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật

hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án ông T1 yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Gia P1 số tiền là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/ tháng. Tại phiên tòa, bà T cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của ông T1. Xét thấy, các bên đã thống nhất được với nhau về số tiền cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Chu Thị T và ông Nguyễn Anh T1 đều xác định tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và về nợ chung của các bên trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Buộc bà Chu Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 150; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Chu Thị T. Cho bà Chu Thị T và ông Nguyễn Anh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày: 07/11/2012 và Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015 cho ông Nguyễn Anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Chu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Gia P1, sinh ngày: 24/01/2015 với số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Chu Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* và án phí cấp dưỡng là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006832 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng T2 - Lâm Đồng). Như vậy, bà Chu Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

4. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2025). Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND khu vực 5 - Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 5 - Lâm Đồng (01);
- UBND xã Đạ Tẻh 2, tỉnh Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Út